

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT TRONG THƠ NGUYỄN TRỌNG TẠO

Nguyễn Thị Thủy

Trường THCS Nguyễn Du, Pleiku, Gia Lai

Email: thuygv1985@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/5/2023; ngày hoàn thành phản biện: 22/5/2023; ngày duyệt đăng: 12/12/2023

TÓM TẮT

Thi ca là một loại hình nghệ thuật ngôn từ đặc biệt. Cảm xúc và tâm trạng điển hình của nhà thơ được chứa đựng bởi một hình thức - “hình thức mang tính quan niệm” cũng rất đặc biệt là ngôn ngữ. Nguyễn Trọng Tạo là nhà thơ luôn ý thức về vai trò quan trọng của ngôn ngữ và luôn làm mới ngôn ngữ thơ trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa chủ thể sáng tạo và khách thể thẩm mỹ. Ngôn ngữ thơ Nguyễn Trọng Tạo linh hoạt, đa dạng, nhưng tập trung chủ yếu ở hai đặc điểm chính. Đó là *Ngôn từ giàu tính giải bày, tự vấn* và *Ngôn từ đậm chất nghiệm sinh, triết lý*. Bài viết quan tâm tìm hiểu hai đặc điểm ngôn ngữ nói trên để chỉ ra phong cách ngôn từ nghệ thuật của thơ Nguyễn Trọng Tạo.

Từ khóa: Nguyễn Trọng Tạo, ngôn từ nghệ thuật, tính giải bày tự vấn, tính nghiệm sinh triết lý...

Trong dòng chảy văn học trước năm 1975, cái tôi công dân - chính trị chiếm được vị trí chủ đạo thì bước sang thời hậu chiến, nó bị thu hẹp và dần nhường chỗ cho lãnh địa cái tôi đời tư để làm một cuộc bùng nổ mới về cảm xúc trong thơ. Cái tôi đời tư - thế sự đã trở thành “khúc độc đạo” của thiên hướng tư duy thơ thông qua ngôn từ giàu tính giải bày, tự vấn. Các nhà thơ khao khát được bộc bạch, giải bày cái tôi bản thể trong dòng cảm xúc phức hợp, đa chiều. Khát vọng lớn nhất của người nghệ sĩ là đi tìm cái đẹp đích thực của cuộc sống, bắt nguồn từ vẻ đẹp của trái tim và tâm hồn đa cảm của người nghệ sĩ.

Nguyễn Trọng Tạo thuộc lớp nhà thơ tiêu biểu của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Nếu phải phát biểu ngắn gọn về thơ của lớp nhà thơ này thì thơ Hữu Thịnh là thơ lấp lánh. Thơ Phạm Tiến Duật là thơ thông minh. Thơ Nguyễn Đức Mậu là thơ thơ đậm đà. Thơ Nguyễn Duy là thơ nghiêng về dân dã. Thơ Bằng Việt là thơ trí tuệ. Thơ Vũ Quần Phương là thơ sang trọng. Thơ Nguyễn Trọng Tạo là thơ tài hoa... Thơ tài hoa là thứ thơ khiến người ta có cảm tưởng như đó không phải là kết quả logic của tư duy mà là sự thăng hoa của ngôn từ, tư tưởng. Ngôn từ thơ Nguyễn Trọng Tạo đa dạng,

biến ảo, luôn mới lạ. Trong bài viết ngắn này, chúng tôi muốn tìm hiểu đặc điểm ngôn từ thơ của ông ở những cạnh khía chủ yếu sau:

1. NGÔN TỪ GIÀU TÍNH GIẢI BÀY, TỰ VẤN

Trong hành trình nhận thức hướng đến tha nhân, Nguyễn Trọng Tạo bộc lộ một tâm thức nhiều trăn trở. Trạng thái tình cảm đó được dồn nén vào từng câu chữ nên qui tự được chiều sâu tâm cảm và ý tưởng thơ. Ngôn từ tự vấn, giải bày trong thơ Nguyễn Trọng Tạo thể hiện linh hoạt, song chủ đạo được tái diễn ở nỗi buồn và các trạng thái của niềm say, say vì men rượu và cả men tình.

Nguyễn Trọng Tạo có lần viết *“chia cho em một đời say”*, trong men say của rượu, tâm hồn ông được thỏa sức thăng hoa giao hòa cùng trời đất: *“rượu ai mang đến chén cho ta/ hãy rót người ơi, rót thật đầy/ mỗi lần cạn chén lòng thấy lại/ rượu nâng cùng người, uống cùng cây”* (Cạn chén). Trong cõi ngất ngây, cả không gian được giăng mắc hơi men, khi cảnh vật đã chệnh choáng là lúc Nguyễn Trọng Tạo nhận ra lòng mình:

Sông Hương hóa rượu ta đến uống

ta tỉnh đến đài nghiêng ngả say

(Huế 1)

Người say thường bảo là mình tỉnh. Say tình, say cảnh hay say rượu, có lẽ tất cả. Đến Huế, ông bị mê đắm bởi nét quyến rũ của đèn đài cổ xưa, của dòng Hương Giang dùng dằng chảy vào lòng để anh mãi vọng Huế: *“sao cứ ước một người yêu ở đó/ để suốt đời quê ngoại cũng quê hương?”* (Ấn tượng Huế). Trạng thái “ngà ngà” của người say không dừng lại ở đó, Nguyễn Trọng Tạo nghe thời gian buông rơi từng giọt vào cõi không gian phù dung mờ ảo:

chiều rơi. Vàng tóc. Vàng da

vàng cây. Vàng đá. Vàng ta. Vàng người

rượu ngon nhắm với nói cười

nghe thời gian tím một trời phù dung.

(Chiều rơi)

Và đến lượt nó, men tình ủa đến hưng hực, đam mê và nồng nàn: *“ứ hực là tình ơi/ ừng ực khát một đời/ người trao nhau rượu chát/ dốc say tình lên ngôi”* (Rượu chát). Khao khát yêu và được yêu là những tình cảm thiêng liêng, nhân bản của con người. Với Nguyễn Trọng Tạo, “con sóng tình” lúc nào cũng không thôi chao đảo, dậy sóng. Các cung bậc tình yêu được ông thể hiện tràn đầy trong thơ. Như ngọn lửa nhỏ, ông cháy hết mình cho tình yêu, khát khao được “Chia” cho em đến tận cùng mê đắm: *“chia cho*

em một đời tôi/ một cay đắng/ một niềm vui/ một buồn/ tôi còn cái xác không hồn/ cái chai không rượu tôi còn vỏ chai (Chia). Mê đắm, rạo rức là vậy, song những cảm xúc bản năng được ông “ngụy trang” rất khéo léo, trong trẻo. Nó vừa kín đáo, e ấp như tâm hồn người phương Đông lại vừa bốc lửa, cuồng nhiệt như phương Tây: *“anh nín thở đến kiệt cùng máu ứa/ cột lửa phun nham thạch phì nhiêu”* (Cảm giác Biển Hồ hay thơ bên miệng núi lửa).

Nguyễn Trọng Tạo thích được “say” vì say là lúc dễ tìm về bản thể hồn mình. Ở đó, ông được thao thức, âu lo khi thế giới tâm linh bùng thức và được trở về những khoảng lặng thầm kín của cuộc đời. Đó là những sự bùng thức, những âm thanh vi diệu thoát thai từ nỗi buồn trong đêm. Nguyễn Trọng Tạo ngày càng thấm thía nỗi buồn nguyên thủy của loài người, đó là sự cô đơn. Có ai đã nói “nhà thơ là người cô đơn nhất”, dường như cô đơn là phần sâu nhất trong hồn thơ Nguyễn Trọng Tạo. Cô đơn đã khiến cho cái tôi thi sĩ luôn luôn ở trong trạng thái buồn miên man: *“nỗi buồn thăm thẳm niềm vui nhạt nhoà”*. Nỗi buồn và cô đơn giống như một cây cổ thụ toả rợp bóng xuống mọi địa hạt và chi phối mọi hoạt động tinh thần của thi sĩ. Chúng song hành cùng tồn tại, tạo nên độ sâu lắng, trữ tình như một nốt lặng trong thơ. Đôi khi, người thơ *“giật mình tưởng mất ngôi sao”*, thế mà *“cô đơn thoáng chốc đã hao hao gầy”*. Nỗi cô đơn thường trực đã dần dần đốt cháy con người này: *“tôi về khép lại căn phòng/ thấy trong lòng ngực như không có gì”* (Gửi). Hay đó là lời ngậm ngùi của một người tự nhận ra mình giữa chốn đông người: *“thấy con đường nhựa ba chiều/ thấy mình đứng giữa cô liêu không người”* (Bức tranh đen).

Đối diện với nỗi cô đơn là cõi lòng trống không, vì vậy Nguyễn Trọng Tạo luôn khao khát một tấm lòng hòa hợp để được an ủi, sẻ chia: *“trái tim đã bỏ tôi đi/ ai mà nhặt được gửi về giùm tôi”* (Gửi). Sau cái ồn ào, bon chen, náo nhiệt của cuộc sống ban ngày bị cuốn xô khi đêm về. Ý thức lưu lạc càng làm ông thấm thía sự đơn độc hơn bao giờ hết:

*ngày vung vãi đức tin
đêm gặp mình đơn độc
ranh khôn giữa muôn người
trở về thành thẳng góc*

(Tự vấn)

Đâu đó trong vang âm cuộc sống vẫn náo nức thanh âm của hạnh phúc, niềm vui đến rồi cuốn đi rất nhanh để chốn riêng, vẫn mình anh bụi phủ. Nguyễn Trọng Tạo đã thu mình để nghe nỗi buồn cam lặng thành tự khúc:

*căn phòng như ốc đảo giữa thành thị
quay về bụi phủ một mình anh*

đôi khi ủa đến nói cười cụng ly đàn hát

rồi bỏ lại một thằng say yên giấc

(Độc thân)

Nỗi cô đơn gắn với nỗi buồn. Trần Ninh Hồ gọi nỗi buồn trong thơ Nguyễn Trọng là “một nỗi buồn âu yếm”. Nỗi buồn ấy cứ chất chứa, dâng mãi: “*là khi tỉnh giấc trong đêm/ một mình ta thấy ngời bên nỗi Buồn/ là khi cạn một ly tràn/ đáy ly ta lại thấy làn mi xanh*” (Sonnet Buồn). Thơ Nguyễn Trọng Tạo hay nói về nỗi buồn, nhưng nỗi buồn trong thơ ông không hề bi lụy, suốt mướt, mang sắc thái tiêu cực hay phủ nhận cuộc sống mà nó luôn ánh lên niềm tin, niềm hy vọng. Có thể nói, Nguyễn Trọng Tạo đã mang vào thơ rất nhiều sắc thái của nỗi buồn. Có khi là nỗi buồn cảm (*người giữa tay tái diễn nỗi buồn cảm*), có khi là nỗi buồn kiêu (*một ngày người bán rẻ ta/ ta thành đồ vật giữa nhà người dung/ một ngày người đến rưng rưng/ mua gì vô giá xin đừng mua ta*), cũng có khi là nỗi buồn quá vắng (*nhớ câu thơ bỏ quên/ vui nỗi buồn quá vắng...*). Nỗi buồn hiện diện, rợn ngợp khắp mọi nơi trong thơ ông không thể diễn tả hết, người đọc tưởng có thể sờ nắm, ngấm ngấm được. Khi đó, bản thể trở thành một bí ẩn, mọi cố gắng giải mã đều vô hiệu, ông đối diện với mình khi không tìm được sự san sẻ: “*mưa rơi không cần phiên dịch/ em làm sao phiên dịch đời anh/ một khối đá câm/ tạc thành ngôn ngữ/ thốt ra con chữ*” (Người phiên dịch chính mình). Và dường như ông cảm thấy bất lực ngay cả chính mình:

tôi giờ ngại cả bóng tôi

ý thơ chưa cạn ngó lời đã khô

(Ngại xuân)

Có khi Nguyễn Trọng Tạo muốn trốn chạy tất cả mọi trạng thái cảm xúc bản năng loài người. Nhưng càng chạy trốn, ông mới hiểu hết giá trị những cung bậc ấy trong cuộc sống. Từ đó, ông tìm được sự thanh thản cho cõi lòng và có cái nhìn bình yên hơn về cuộc đời: “*Nay anh giết chữ Buồn, mai anh giết chữ Vui/ Say và Tỉnh/ Ghét và Yêu/ Ngọt ngào và Cay đắng/ Anh giết trụi cả rồi/ Đời chỉ còn giấy trắng*” (Cây giáo).

Khi tìm hiểu thơ, ai cũng nhận ra điều này: cô đơn thường là tâm thế sáng tạo của chủ thể trữ tình. Nó là sự thăng hoa của cảm xúc và là gia tài chung của mọi thi sĩ. Chỉ có điều, mỗi người sẽ sử dụng như thế nào gia tài ấy? Có người chìm đắm, gặm nhấm mình, khur khur ôm nỗi cô đơn, cũng có người vượt thoát nỗi cô đơn bằng sáng tạo nghệ thuật. Bởi lẽ, khi sáng tạo chính là lúc nhà thơ đang cố gắng tìm sự đồng cảm ở nghệ thuật. Viết chính là hành động để giải toả. Với Nguyễn Trọng Tạo, cô đơn là để đi tìm mình, để khám phá tâm hồn mình nhưng cũng chính là để sáng tạo. Nếu như bình thường khi buồn và cô đơn, người ta chỉ muốn giải thoát khỏi tâm trạng ấy: “*uớc gì cầm được cô đơn/ ném lia thia để hoá buồn thành vui*” (Lâm Thị Mỹ Dạ - Ném lia thia),

nhưng với Nguyễn Trọng Tạo, ông van nài nỗi buồn ở lại cùng mình: “*Buồn ơi Buồn có thương tôi/ đừng làm tôi phải mờ côi Nỗi Buồn!*” (Sonnet Buồn). Sự khác biệt này do đâu? Nhìn vào cuộc đời riêng, ta thấy ông đã trải qua rất nhiều đổ vỡ, đắng cay, mất mát... và đi đến cùng vẫn là nỗi buồn đồng hành với nhà thơ. Phải thế chăng mà ông đã xem nỗi buồn là một phần cuộc sống của mình như ông từng tâm sự: “Đó cũng là bởi đã chấp nhận nỗi buồn là còn ham sống, nếu yêu cuộc sống tha thiết, muốn níu giữ cuộc sống mãi tươi đẹp thì không thể tránh khỏi nỗi buồn”. Và như vậy, đi trong cuộc đời này, cái tôi Nguyễn Trọng Tạo không thể tách rời bản thể cô đơn và nỗi buồn của mình.

Cái tôi trữ tình đời tư Nguyễn Trọng Tạo không còn giới hạn trong men say và nỗi buồn. Bởi say phải đến lúc tỉnh, buồn chưa phải là trạng thái duy nhất. Con người cần hướng về niềm vui để tiếp tục tồn tại. Đối diện đời thường với những lo toan, vất vả và thường nhật của cuộc sống, Nguyễn Trọng Tạo thường triết lý nhẹ nhàng, nhưng sâu sắc:

*ôi tháng ngày gian nan
tôi như kiến gặp mưa bò nhanh về tổ
ở trên cao biết mình là con nợ
khi nước dưới đất nẫu thương nhớ chảy lên trời*

(Nương thân)

Nhà thơ không giấu giếm, che đậy nỗi lo cơm áo. Nhưng một mặt, con người nghệ sĩ đã trót vương chút đam mê “danh hã” nên cứ thấy ghen ngào. Dẫu vậy, Nguyễn Trọng Tạo vẫn có những giây phút hết sức hồn nhiên, tếu táo mà sinh động, chân thật: “*vẽ tôi con Lợn cầm tinh/ con Gà cầm tháng con Tình cầm tay*”. Ông đang “tự họa” về mình không một chút che đậy qua những câu thơ ngất ngưỡng, đùa mà thật:

*vẽ tôi mực rượu giấy trời
nửa say nửa tỉnh nửa cười nửa đau
vẽ tôi thơ viết nửa câu
nửa câu ma quỷ đêm sâu gọi về*

(Tự họa)

Có lẽ, viết về cái tôi bản thể là những vần thơ đạt nhất của Nguyễn Trọng Tạo. Mỗi bài thơ trở thành mỗi bức điêu khắc tâm hồn, ở đó, thơ gặp được sự đồng điệu từ người đọc. Một thiên hướng tư duy thơ đầy chất tự họa tinh thần, làm nên diện mạo Nguyễn Trọng Tạo với nhiều vẻ phong phú và phức tạp của một tâm hồn căng ứa niềm tâm sự mang chất giải bày, tự vấn. Trong thế giới tâm tư riêng “*có thương có nhớ có khóc có cười*”, Nguyễn Trọng Tạo vẫn đau đáu những trải nghiệm “*có câu trả lời biến*

thành câu hỏi". Bước vào bức tranh xã hội muôn màu trong thơ ông, ta thấy cái tôi thế sự rất bóng ước vọng, niềm tin nhưng nhiều nỗi băn khoăn muốn đi tìm lời đáp. Ở *Tản mạn thời tôi sống*, cái nhìn của Nguyễn Trọng Tạo được mài sắc, sự thay đổi điểm nhìn nghệ thuật diễn ra quyết liệt. Thơ ông thời kỳ này mang tính dự báo sâu sắc và mạnh mẽ: *"như con chiến sùng đạo chột bằng hoàng/ nhận ra Chúa chỉ ghép bằng đất đá"*. Bởi vì "trong hoàn cảnh ấy, con người đang tìm mình, loay hoay tìm kiếm các giá trị, đường chân trời không hẳn cứ trong veo như trước đây ta vẫn tưởng. Đây là thời điểm các cây bút phải biết xác lập vị thế của mình trong dòng chảy lịch sử. Bản lĩnh nghệ thuật của nhà thơ phải được thiết lập bằng quan niệm riêng của anh ta về đời sống" [4, 77].

Nguyễn Trọng Tạo nhìn đời dưới cái nhìn "nhị nguyên", vừa hoài nghi *"có cánh rùng chết vẫn xanh trong tôi/ có con người sống mà như qua đời"* nhưng vừa bình thản, tin yêu *"mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ/ mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió"* (Đồng dao cho người lớn). Cuộc sống đối với nhà thơ là một mớ hỗn lộn, nghịch lý. Nghe chừng có vẻ vô lý nhưng lại là bản chất thời anh sống:

*nghe nói đời xưa làm vua sướng lắm
mà đôi khi tôi cũng sợ làm vua*

(Tin thì tin không tin thì thôi)

Thực tế cuộc sống *"có bao nhiêu câu hỏi"* nên nhà thơ ý thức trách nhiệm của mình: *"tôi sống thời không thể đứng quay lưng"*. Bằng ngòi bút, Nguyễn Trọng Tạo xoáy sâu vào ngõ ngách cuộc sống, lột tả những mặt trái của nó. Không hề ngại trang bằng vỏ bọc hình thức nào, những câu thơ như thước phim quay cận cảnh: *"trộm cắp đâm nhau dưới đèn mờ/ xích lô máu me cấp cứu/ tham nhũng nâng ly mừng thắng lợi/ ú ớ mơ người đói không nhà"* (Mộng du), *"Đường phố bị đào lên/ Cổng rãnh lại có thêm dự án/ Mưa sơ sơ đường lại hoá thành dòng sông/ Không ngọng nghịu cũng thốt lên: Hà Lợi!"* (Phác hoạ). Lời thơ cũng trở nên đa diết với bao nghịch lý giàu - nghèo, sang - hèn:

*lá vẫn rơi người quét đường vẫn quét
giá cứ lên đều đồng lương lúc đây vui
ai bật nắp bia đâu đây nghe sôi ruột
lũ trẻ chờ tranh nhau nhặt nắp bia chơi*

(Tâm trạng)

Từ đấy, ông nhận thức những tư tưởng bảo thủ và quan niệm lỗi thời sẽ tạo bước lùi cho xã hội, làm nên nghịch lý cuộc sống. Anh mạnh bạo công kích: *"tôi trở lại cơ quan gặp nụ cười ầm mốc/ chuột quá nhiều chuột chẳng chịu giảm biên"* (Tái diễn).

Tư duy phản biện và nhận thức lại những giá trị đã tồn tại là một hướng đi mới trong thơ sau năm 1975. Sự thay đổi về tư duy nghệ thuật này được Nguyễn Trọng Tạo

chất vấn, khai thác triệt để tạo nên những cách nhìn đa diện: *“khi đang đắm yêu có tin được bao giờ/ rồi một ngày người yêu ta đôi dạ/ rồi một ngày thần tượng ta tan vỡ/ bạn bè thân thộc sủng ở bên sườn/ (Tàn mạn thời tôi sống).* Có khi Nguyễn Trọng Tạo nói về chiếc bóng của mình, chiếc bóng của người khác. Ông đang nói đến hàng vạn con người như chiếc bóng *“lòn lợt không đời không đạo”* đang luồn lách, ẩn dật. Nhưng ông thấy bất lực khi hàng vạn con người ấy tăng lên thành cả một cộng đồng:

“thế mà hân suốt đời sát kề tôi/ không xóa được tôi đành chào thua hân/ tôi đã chào thua khỏi người như chiếc bóng” (Bóng).

Những điều boăn khoăn, xa xót của một thời và mọi thời đã làm giàu thêm tính thế sự trong thơ Nguyễn Trọng Tạo. Đây cũng là chất nhân văn sâu thẳm quán xuyên thơ anh. *“Không ồn ào, không giận dữ, anh lặng lẽ tìm về phía tình yêu, nhân ái nhất của tình đời tình người mà phát hiện, giao cảm”* [3, 12].

Ở một vẻ khác, ngôn từ mang chất giải bày tự vấn trong thơ Nguyễn Trọng Tạo như là một cách phân bua với người cùng thời, để níu giữ những giá trị văn hoá truyền thống dần mai một bởi cuộc sống thành thị và sự Âu hoá. Đó là cái tôi muốn *“bênh vực”*, cố vũ cho nét đẹp xưa cũ trước sự thắng thế của cái Mới, đặc biệt là sự lai căng. Người đọc bắt gặp ở anh những ngậm ngùi, nuối tiếc: *“về Huế sao thềm thơ Nguyễn Bính/ hoàng thành còn đó cung nữ không/ áo dơi quần thụng đi ra phố/ xe cub xe con phá khói nồng”* (Huế 2). Về Huế để được nghe *“trăng lạnh thượng nguồn tuôn bạc”* để được thấy *“đèn khuya cuối bến tụ vàng”* (Ấn tượng Huế), nhà thơ chạnh lòng hoài nghi sự tồn tại những nét đẹp văn hoá ngàn xưa của đất kinh kỳ Huế. Còn không? Khi mà lối sống thị thành hiện đại đã tràn ngập phố phường cuốn theo tất cả. Cái đẹp lùi dần vào quá vãng, vắng vắng chỉ còn là kí ức *“Huế đẹp đã đành xa xôi lắm”*, còn đâu không gian của *“cây đa bến nước sân đình”*, còn đâu *“cái khăn mỏ quạ cái quần nái đen”* (Nguyễn Bính). Giờ đây hơi hướng phương Tây đang muốn dần chiếm lĩnh, bao trùm chất phương Đông cổ truyền, thâm nâu:

em giờ quần soọc áo phông

ta như một gã nhà nông cuối mùa

em giờ pic nic sân chùa

ta như sư đá còn ưa xoa đầu

(Thơ nhò em gửi về Nguyễn Bính)

Trong niềm hoài vọng dĩ vãng, Nguyễn Trọng Tạo ra sức tưởng tượng, ao ước để lấp dần khoảng chông chênh, hụt hẫng trong lòng: *“ước chi em mặc tú thân/ nụ cười che nón ba tâm ghé chơi”*. Ngay cả tình yêu lãng mạn, ngây thơ, trắng trong một thời: *“Người nhìn lên: hoa sấu rụng vào mái/ và mắt tôi rụng xuống mắt người”* ấy, nhà thơ cũng thấy dần tàn phai, thay vào đó là tình yêu thời hiện đại: *“bây giờ yêu nghĩa là vào sàn*

nhảy/...bây giờ yêu nghĩa là vèo xe cúp/... bây giờ yêu nghĩa là vào quán nhậu" (Bây giờ). Trong muôn vàn biến thiên cuộc sống, cái tôi thế sự Nguyễn Trọng Tạo nghe được âm thanh tự đáy lòng mình: *"nghe chiều khói sóng một hơi thở buồn"*. Đó là âm thanh mà ông cảm nhận được từ chiều bay của khói sóng.

Nguyễn Trọng Tạo làm thơ bằng con tim, khối óc của một nghệ sĩ tài hoa, lắm nỗi đa mang. Những vần thơ thể hiện cái tôi trữ tình đời tư - thế sự Nguyễn Trọng Tạo chính là một tư duy thơ đi tìm chân lý cuộc đời và gieo mầm cho những khát khao, hi vọng bằng ngôn từ tự vấn:

*tốt đẹp gì? ta cứ đi tìm mãi
xấu xa gì? kẻ cũng không dễ thấy
con người với con người ngày ngày
giải mã thời gian*

(Gửi Nguyễn Hoa)

2. NGÔN TỪ ĐẬM CHẤT NGHIỆM SINH, TRIẾT LÝ

Thi ca là một loại hình nghệ thuật ngôn từ đặc biệt. Nó là điển hình của cảm xúc và tâm trạng được chứa đựng bởi một hình thức - "hình thức mang tính quan niệm" cũng rất đặc biệt. Sự "quái đản" trong sử dụng ngôn từ; sự chuyển nghĩa, tạo sinh nghĩa trong việc sử dụng các biện pháp tu từ; sự trừu tượng hoá, khái quát hoá các trạng thái tình cảm, hiện thực và khát vọng sống của con người; sự hữu hình hoá hoặc vô hình hoá các cảm xúc, đối tượng; sự âm thanh hoá theo quy luật của khoa phát âm thực nghiệm học (phonétique expérimentale)... đã làm cho thi ca có sức quyến rũ bội phần (multiple) so với các thể loại nghệ thuật ngôn từ khác. Nhưng như thế không phải lúc nào và ở đâu, một tác phẩm thơ cũng trở thành trác tuyệt. Vậy cái gì đã làm nên giá trị và sức sống của một thi phẩm? Đó chính là sự hài hoà thẩm mỹ giữa trí tuệ và cảm xúc; giữa cái ảo và cái chân; giữa hình thức và nội dung. Trong đó, tính triết lý là một phương diện cần có để làm giàu nhận thức, liên tưởng và suy tưởng của con người.

Trên bước đường khát khao sáng tạo của trí tuệ, con người thường ưu tư và hoài nghi về sự hiện hữu của chính họ. Có lúc, họ đã bơ vơ và bất lực nhìn lại gương mặt sâu muộn của mình và không khỏi nghi vấn về những kinh nghiệm sống qua (expérience vécue). Và hình như có một nghịch lý nào đó khiến con người không ngừng từ bỏ khát vọng sống của mình dù họ có cảm tưởng như họ đang bị lạc lõng giữa dòng thời gian vô định đang cuộn cuộn chảy.

Với thi nhân, vấn đề trên càng trở nên bức thiết. Sau một chặng đường thẳng

hoa của ý tưởng và trí tuệ, họ đã đi bên cạnh cuộc đời với niềm vui chấp nhận sự đơn độc. Họ thao thức và không ngừng khám phá, thăm dò hiện thực để yêu thương và mơ mộng vào những gì tốt đẹp cho con người và chính mình bằng tác phẩm. Họ có nhu cầu nhìn lại những gì đã qua để điều chỉnh, hoàn thiện. Phải tin vào những điều kỳ diệu ấy, phải đánh giá đúng mình, có vậy nhà thơ mới tồn tại.

Thơ đương đại không ngừng mở rộng về hướng tư duy suy tưởng. Thơ được quan niệm như một hình thức tự vấn, phản tỉnh trước cuộc đời. Thơ giàu chất nghĩ. Cái tôi thiên về nội cảm, ráo riết tìm kiếm những chân lý nhân sinh. Nhưng trước hết, để cộng cảm và tìm được những trải nghiệm từ cuộc sống, nhà thơ phải “đem” cái tôi của mình nhập vào mọi vật xung quanh, phân thân thành những trạng thái khác nhau để thể hiện mọi cảm xúc.

Cái tôi trữ tình đa phân - chiêm nghiệm trong thơ Nguyễn Trọng Tạo là nỗi khát thèm được giao hoan cùng vũ trụ, đất trời. Điều đó được ông thể hiện qua ngôn từ đậm chất chiêm nghiệm sinh, triết lý trong thơ. Ông muốn mình là tất cả mọi vật để được trải lòng ra muôn nơi, được thấu hiểu những lẽ sâu kín từ cuộc sống mà mình đã từng đi qua. Giấu đằng sau những câu thơ kiệm lời, súc tích là những trải nghiệm về triết lý cuộc đời; đan xen giữa chất trữ tình ngọt ngào, đa diết là nét trầm tư của cái tôi không ngừng chiêm nghiệm. Tư duy thơ Nguyễn Trọng Tạo thoả sức bung phá, đào sâu vào những miền tâm tưởng để mở tung mọi cánh cửa tâm thức cho người đọc.

Tình yêu cuộc sống, sự khát khao giao cảm với đời là niềm đam mê cháy bỏng của cái tôi đa phân Nguyễn Trọng Tạo. “Cỏ” và “mưa” trong thơ Nguyễn Trọng Tạo là sự hoá thân tuyệt vời của hai hình tượng trữ tình anh và em. Nó diễn tả chân thực những cảm xúc bồi hồi, run rẩy; những tình cảm đắm đuối, mê say. Ông làm con mưa tình yêu, em vẫn chẳng thoả lòng con khát. Bối làm sao đo hết chiều sâu của tình ái khi anh chỉ là con mưa rào “đến rồi đi” để lại em niềm tiếc nuối :

em cỏ khát ta mưa rào đầu hạ

cỏ uống mưa run rẩy

cỏ đang thì

mưa rào đến rồi đi

cỏ xanh niềm ngơ ngác

(Cỏ và mưa)

Uống tình tình càng khát, Nguyễn Trọng Tạo càng thể hiện một cái tôi nồng nàn, đến độ quyết liệt: “*ta khát mắt hồ ghề đá/ nồng nàn lưỡi sóng mềm môi*”. Chạy mãi trong cảm xúc của chính mình, ông hoá thân vào không gian hồi sinh sự sống để mong tái sinh một tình yêu ban sơ, tình khôi: “*ta khát thành đêm chứng sinh/ oa oa tình yêu nguyên sinh*” (Khát). Tình yêu được tái sinh là lúc anh bắt gặp niềm ngậm ngùi trong

trèo của tuổi đôi mươi khi chợt nhận ra “không bao giờ quay lại môi tình đầu”, khi “anh trót để ngôi sao bay khỏi cát”. Mọi tình cảm được hoá giải vào lòng biển khơi. Trở về với tình yêu, Nguyễn Trọng Tạo hoá thân vào loài hoa ly vàng nhỏ bé để gói gắm niềm tin yêu đến cuộc đời:

*biển đây vui thương nhớ, biển xanh ơi
thân thể ai hồng hào pha ngọn sóng
da thịt người chạm vào tôi nóng bỏng
rồi có thể người quên
còn tôi mãi giữ gìn...*

(Hoa ly vàng)

Đọc thơ Nguyễn Trọng Tạo, đâu đâu cũng là sự nhập vai ngẫu hứng, từ thế giới sinh vật cỏ, cây, hoa, lá... đến các hiện tượng tự nhiên mưa, nắng, gió, trăng,... mỗi sự nhập vai đều gắn với một chiều sâu suy tưởng.

Cỏ là loài mỏng manh, yếu ớt nhưng có sức lôi cuốn kỳ diệu đối với nhà thơ. Hoá thân vào chúng, ông có thể đi đến tận cùng của sự đam mê, những “hồi hộp mừng vui” những “thầm lặng tái tê” trên sân bóng:

*trong chiến thắng anh có nghe tôi hát
tôi phất cao muôn vạn lá cờ xanh
khi chiến bại anh có nghe tôi khóc
trận mưa đau dâng ngập cả khung thành*

(Cỏ trên sân bóng)

Đó là cảm giác hạnh phúc của loài cỏ khi được dâng hiến, được đốt cháy mình lên: “được dày xéo tôi thấy mình hạnh phúc/ được ôm hôn tôi muốn trào nước mắt”. Hoá thân vào cỏ, Nguyễn Trọng Tạo được buồn vui khóc cười trong vinh vang của đời cầu thủ, bởi không nơi đâu cảm xúc của con người được bộc phát tự nhiên và chân thành như trên sân bóng. Nhưng cũng từ đó, nhà thơ chiêm nghiệm bao điều về đời người, đời cỏ: “là ngôi sao cô đơn từ vạn đại/ lắm người yêu rồi cuộc chỉ đau buồn” (Là ngôi sao). Đó là lúc:

*theo anh mãi cho đến ngày chung cuộc
nếm đủ vị đắng cay nếm đủ vị ngọt ngào
rồi mùa bóng qua đi anh già từ sân cỏ
chỉ còn tôi hoang lạnh dưới trăng sao*

(Cỏ trên sân bóng)

Nếu nhà thơ hoá thân vào cỏ để đón nhận một phút “vinh quang hào” rồi lại nhận ra triết lý vô thường của cuộc đời, thì khi cháy thành ngọn lửa, đốt lên “mùa khát thèm” mà vẫn thấy “tháng ngày buồn tênh”, nhà thơ van lơn vội vã: “*đừng tắt ngọn lửa của anh*”. Nhưng như một sự định sẵn, càng mài miết hướng về phía của khát vọng, nhà thơ lại nhận ra rõ hơn bao giờ hết cái triết lý “*tất cả an bài trong giới hạn*”:

chạm vào em
anh chạm vào mùa ga khát thèm
uống lửa từng ngụm từng ngụm
anh hoá lửa toàn thân

(Sonnet ngọn lửa)

Trong hành trình tìm kiếm chốn nương thân, Nguyễn Trọng Tạo mãi mê lạc vào cõi chiêm bao. Một vùng không gian tâm tưởng mở ra, nhà thơ hoá thân vào tôi của quá khứ, tôi của tương lai nhưng vẫn hiển hiện cái tôi hiện tại. Nơi đó, nhà thơ phân thân ra ba chiều của thời gian, tìm “*những mộng mơ không biết chốn nào tìm*”. Và nhà thơ đã thấy:

tôi thấy tôi trên đỉnh nắng hanh vàng
một phiến đá đen một vùng cây mờ tỏ
ở đó
tôi làm em đứa trẻ con chính là tôi thuở nhỏ
tôi làm anh gã đầu bạc chính là tôi tương lai

(Chiêm bao)

Tìm kiếm mãi để đi đến kiệt cùng, nhà thơ theo tờ lịch mỏng nhảy vào kiếp luân hồi: “*còn chi bóc nữa/ hãy bóc hồn tôi/ tôi thành tờ lịch/ bóc sang luân hồi*” (Thời gian 1). Bằng cái tôi đa phân, Nguyễn Trọng Tạo độc thoại trước hết với chính mình và hướng đến được cùng giải bày với người đọc qua những ảnh hình của cuộc sống. Bởi vậy, thơ ông đi vào lòng người nhẹ nhàng mà sâu lắng, đầy tính triết lý về cuộc đời. Nó như thuộc về bản năng của người nghệ sĩ “*có trái tim lớn, chứa đựng nhiều tâm trạng, cảm xúc, nhà thơ phải phân thân thành nhiều người để bộc lộ các sắc thái, tình cảm, niềm vui, nỗi buồn của càng nhiều số phận, càng hay*” [5, 24].

Không chịu dừng lại ở những cảm xúc bề ngoài, Nguyễn Trọng Tạo đi sâu vào đối tượng bên trong để khám phá, phát hiện bản chất của mỗi vấn đề. Ông đã mở ra bước chuyển về thi pháp, đưa thơ đến chất giọng triết lý sau vẻ ngu ngơ nửa như đùa nửa như thật của mình. Tăng cường tính triết luận vào thơ đã tạo được nét riêng biệt làm nên phong cách thơ Nguyễn Trọng Tạo, đúng như lời nhận xét: “Nhà thơ nào có

vốn văn hoá, vốn triết học càng cao và biết vận dụng nó trong sáng tạo để hình thành kiểu tư duy độc đáo đậm đặc mang cá tính riêng thì được xem như là nhà thơ trí tuệ, nhà thơ triết lý” (Hồ Thế Hà) [2, 203] Hoàng Ngọc Hiến đã gọi thơ Nguyễn Trọng Tạo là “thơ của những cái chớp mắt”. Anh cảm nhận được sự ngắn ngủi của đời người trong dòng chảy không cùng của thời gian: “*mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ/ mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió/ có thương có nhớ có khóc có cười/ có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi*” (Đồng dao cho người lớn).

Sự sống con người ngỡ ra là thoáng chênh vênh, mơ hồ. Chỉ một cái rùng mình của thời gian, nhà thơ đốn ngộ được giới hạn của đời người:

ôi sự sống nơi đỉnh trời chân cỏ

thoáng heo may. Nghe mình chợt sang chiều

(Mùa thu áo ẩm)

Câu thơ nhẹ nhàng, man mác chất Đường thi như tiếng buồn dài của lòng người. Ta nghe trong đó thời gian lưu chuyển có cả niềm tiếc nhớ cái đã qua. Đối diện thời gian, nhà thơ nhận ra nhiều mất mát. Như một phản ứng, anh trầm ngâm nhìn lại đời người: “*đi hết dòng sông mênh mộng biển sóng/ đi hết đời người đây voi khát vọng*” (Dấu vết thời gian). Có khi, những câu thơ Nguyễn Trọng Tạo vừa mang âm hưởng thuyết Vô vi của Lão giáo, lại vừa ảnh hưởng thuyết Định mệnh Nho giáo. Chỉ trong một khổ thơ, ông đã kết hợp được hai tư tưởng lớn nên mang chiều sâu tâm linh của con người. Muốn sống an nhàn, thanh thản trong cõi đời phải biết lẽ “vô vi rộng hẹp”, vì dẫu có mê mãi suốt một đời rồi cũng phải quay về “cửa khép”. Con người nhận được gì ngoài cảm thức mỏng manh:

bao giờ người ơi vô vi rộng hẹp

chợt đi một đời chợt về cửa khép

dưới chân vẫn dế trên đầu vẫn xanh

đời lên chót đỉnh chợt mình mong manh

(Chợt)

Không mộng ước, không hoang tưởng, sau những phút “*ngơ ngác rơi giọt nước mắt*”, “*không rõ buồn vui gì*”, Nguyễn Trọng Tạo quay về tự nhận diện mình. Chẳng thể nào níu kéo được thời gian nhưng anh đã nhận ra, nghệ thuật có thể chiến thắng được thời gian: “*rồi mùa xuân sẽ đến sẽ đi như thanh xuân không lặp lại/ thuốc trường sinh đông loã với đôi lứa/ cây - mười - hai - cành chết rồi sao bóng râm cứ còn mãi trong Thơ?*” (Sonnet không định trước).

Không chỉ là nhà thơ của triết lý thời gian, đọc thơ, ta thấy một Nguyễn Trọng Tạo đầy khắc khoải khi đặt giá trị niềm tin trước đời sống. Làm thế nào để đủ niềm tin? Là câu hỏi trở đi trở lại, ông loay hoay đi tìm lời giải:

*xuân lại đến ta gọi là xuân mới
em mỗi ngày có gì mới trong tôi
đào lại nở đón một người đúng hẹn
dám tin không người đúng hẹn suốt đời.*

(Chiều thứ tư của không gian)

Đó cũng là trạng thái chông chênh khi mọi giá trị vẫn chưa được xác tín, nhà thơ đưa ra nhận định của mình: “*có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi/ có con người sống mà như qua đời*” (Đồng dao cho người lớn).

Nếu sự chiêm nghiệm, triết lý trong thơ Nguyễn Trọng Tạo thường nhức nhối về niềm tin khi đứng trước các giá trị chuẩn mực bị “đổ ngã”, con người chưa thích ứng với đời sống cơ chế mới thời hậu chiến, thì thơ Đồng Đức Bốn hay biểu hiện cái tôi chiêm nghiệm phần nào có sự bất lực, xót xa: “*Sang sông xin chớ quên dờ/ Đường đời tránh ngã phải dò heo may*” (Đã bắt được mũi tên). Nhưng ở hai nhà thơ cùng thời này, một bên cái tôi nghiêng về sự đắm thắm, một bên là “sấn sổ tảoyton” vẫn không mệt mỏi nhận thức cuộc sống từ những cách khác nhau. Bằng chất giọng và sự trải nghiệm của riêng mình, Nguyễn Trọng Tạo thể hiện những suy nghĩ sâu lắng:

*niềm vui rồi dễ phai nhanh
cuộc đời lắng lại long lanh nỗi buồn
em mùa sương anh mùa sương
ngôi sao buồn ấy vẫn thường hiện lên*

(Ngôi sao buồn)

Ở Hoàng Phủ Ngọc Tường, cái tôi trầm tư, chiêm nghiệm thể hiện theo giai điệu trữ tình hài hoà. Ở đó, ta cũng bắt gặp những băn khoăn về hạnh phúc - đau khổ, niềm vui - nỗi buồn của tình yêu, của đời người. Khác chăng, nó được nói bằng một giọng điệu của kẻ đã “qua sông” ngoài lại kiểm nghiệm chính mình: “*Anh hái cành phù dung trắng/ Cho em niềm vui cầm tay/ Màu hoa như màu ánh nắng/ Buồi chiều chợt tím không hay/ Nhìn hoa băng khuâng anh nói/ Mới thôi mà đã một ngày/ ... Rồi sẽ một ngày trắng tóc/ Nhưng lòng anh vẫn không nguôi/ Thời gian sao mà xuân ngốc/ Mới thôi, đã một đời người*” (Dù năm dù tháng). Trong cách nhìn nhận về cuộc sống, Nguyễn Trọng Tạo không chỉ bình xét trên những khía cạnh nội tại mà đi sâu vào phân tích, lý giải những vấn đề bình thường nhất mà không phải ai cũng phát hiện ra:

*những ngọn gió chẳng hề mang tư tưởng
cũng thổi dịu mùa hè, thổi buốt mùa đông
cái ngọn lửa con người tìm ra nó
biết bao điều thiện - ác - cháy bên trong*
(Cuộc sống)

Khi đã thâm nhập vào những hiện tượng cụ thể, nhà thơ tìm ra mối tương quan giữa các sự vật để khái quát thành bản chất bên trong của nó. Từ đó, có sự cảnh tỉnh: “*quả ớt cay bởi màu ớt đỏ/ ai dễ tin, người ấy dễ bị lừa*” (Giới thiệu).

Những triết lý trong thơ Nguyễn Trọng Tạo nhiều khi tự nhiên, “ngu ngơ” như kiểu: “*ôi nhân loại giống nhau đời thật là nhàm chán*”, nhưng từ đó nhà thơ đưa ra một nhận định, một kiến giải. Nó như một chuỗi phản đề trước khi nêu lên chính đề. Đó là một sự tinh tế: “*mưa chiều nắng sớm mong manh/ đời không khôn dại, sao thành tình yêu*” (An ủi).

Cái tôi trữ tình đa phân - chiêm nghiệm được thể hiện qua ngôn từ giàu chất nghiệm sinh, triết lý trong thơ Nguyễn Trọng Tạo đa dạng và phức tạp, không dễ nắm bắt. Bởi ông luôn thể hiện một vốn sống phong phú. Ở hình tượng câu thơ nào, ông cũng đưa ra cách lý giải của riêng mình. Tư duy thơ anh thâm trầm cốt cách của “Con Người Biết” phương Đông khi đã ngộ ra bản thể của mình và đạt đạo được lẽ đời.

Như vậy, rõ ràng thơ ca là một hình thái ý thức thuộc kiến trúc thượng tầng nhưng khác với các hình thái khác cũng cùng kiến trúc thượng tầng như pháp luật, chính trị, tôn giáo... bởi nó có tính đặc trưng riêng, có sức mạnh nội cảm hóa riêng do hình thức tổ chức ngôn ngữ và trạng thái cảm xúc đặc biệt của chủ thể sáng tạo mang lại. Hành trình tìm đến cái đẹp, mỗi nhà thơ đều có cách tiếp nhận riêng bằng liên tưởng, phát hiện và đề xuất theo cách của mình. Nhà thơ lớn thường là nhà tư tưởng, họ trực tiếp hoặc gián tiếp trình bày vai trò cực kỳ quan trọng của thi ca trong đời sống tinh thần của con người bằng nhiều cách nói tưởng như xa lạ. Trong lời tựa tập Điều tàn do Chế Lan Viên viết cũng đã có cách biện lý này: “Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là làm sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu. Nó thoát Hiện tại. Nó xối trộn Dĩ vãng. Nó ôm trùm Tương lai. Người ta không hiểu được nó vì nó nói những cái vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý”. Những cái vô nghĩa hợp lý này chính là cách biểu hiện để nói lên hiện thực theo cách riêng của Chế Lan Viên. Điều này cũng được Breton - người sáng lập trường phái siêu thực Pháp thừa nhận: “Chất thơ được hình thành qua những hình ảnh thoát nhìn có tính cách cao độ, nhưng sau khi khảo sát kỹ càng, tính cách phi lý lui dần, nhường chỗ cho những gì có

thể chấp nhận được" [1, 154]. Đó cũng chính là sự gặp gỡ của những điều nghịch lý trong quan niệm thi ca của thi sĩ muôn đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lại Nguyên Ân (1999), *150 Thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
- [2]. Hồ Thế Hà (1997), *Tìm trong trang viết*, NXB Thuận Hoá, Huế
- [3]. Hồ Thế Hà (2018) *Xem mơ, thơ và dư luận*, NXB Văn học
- [4]. Hồ Thế Hà, Lê Xuân Việt (1993), *Thức cùng trang văn*, NXB Thuận Hoá, Huế
- [5]. Mã Giang Lân (1997), *Tìm hiểu thơ*, NXB Thanh niên, Hà Nội
- [6]. Nguyễn Trọng Tạo (2004), *Thơ trữ tình* (tập thơ), Nxb Hội Nhà văn-Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

ARTISTIC LANGUAGE IN NGUYEN TRONG TAO' POETRY

Nguyen Thi Thuy

Nguyen Du Secondary School, Pleiku, Gia Lai

Email: thuygv1985@gmail.com

ABSTRACT

Poetry possesses distinctive characteristics that set it apart from other forms of literature. The typical feelings and moods of a poet are contained by a form - "conceptual form" that is particularly unique in its language. Nguyen Trong Tao is a poet who consistently recognizes the and continually revitalizes it by harmoniously resolving the relationship between the creative subject and the aesthetic object. Nguyen Trong Tao' poetic language is flexible and diverse, but primarily focuses on two main characteristics. These words are rich expressive, self-reflective elements and language deeply imbued with existential and philosophical qualities.. This article delves into an exploration of these linguistic traits to elucidate the artistic language style of Nguyen Trong Tao's poetry.

Keywords: Artistic language, Nguyen Trong Tao, experience, self-expression, philosophical.



Nguyễn Thị Thủy sinh ngày 10/05/1985 tại Nam Định. Bà nhận bằng cử nhân năm 2007 và bằng thạc sĩ năm 2020 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện bà đang công tác tại trường THCS Nguyễn Du, TP Pleiku, Gia Lai, và đang làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam